

PHẨM THỨ 7: PHỤNG TRÌ

Nói về ý nối tiếp: Trên đã nói đủ cả Nội Hộ và Ngoại Hộ do phải phụng trì cả hai, nên có phẩm này.

Giải thích tên gọi của phẩm: Phụng nghĩa là tôn kính tiếp nhận. Trì nghĩa là không quên. Như Luận trí Độ nói: do lực tín nên nghe mà tín phụng, do Niệm lực cho nên không quên là Trì. Nếu nói là Thọ trì, nhận lãnh thì cũng không sai.

Giải thích văn kinh: Phẩm kinh này, chữ vị cổ đức: Trắc pháp sư, Huyền Phạm pháp sư ở chùa Tây Minh và Tuệ Tĩnh pháp Sư ở chùa Kỳ Quốc đều cho phẩm này là phần Lưu Thông. Thiên Thai Trí giả, Đạo An pháp sư, An Quốc pháp sư đều cho phẩm này là phần Chánh tông. Tuy các lý lẽ đều có căn cứ, nhưng nay ở đây theo Thiên Thai Trí giả... chia phẩm kinh này thành ba phần lớn: 1. Vua Ba-tư-nặc Hỏi; 2. Như Lai chánh đáp; 3. Nghe pháp được ích. Phần vua Ba-tư-nặc hỏi, văn lại chia làm ba: Dưới đây là phần một - Thấy chư Phật. Nghĩa đó là sao?.

Kinh: Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, thấy rõ thần biến của Phật, thấy trên ngàn đài hoa có Như Lai Biến Chiếu, trên ngàn cánh hoa có ngàn hóa thân Phật, trong ngàn cánh hoa có vô lượng chư Phật, mỗi mỗi vị đều thuyết giảng Bát-nhã Ba-la-mật đa.

Giải thích: “Thấy thần biến của Phật”: là thấy Phật hiện thần biến trong phẩm trước.

“Thấy trên ngàn đài hoa, Như Lai Biến chiếu”: Tiếng phàm gọi là Tỳ Lô giá-na, còn gọi là Vỹ-lô-già-na, cũng gọi là Phệ Lộ Già Na. Tiếng Hoa gọi là Biến Chiếu, cũng gọi là Đại Nhật, đến đoạn san sẽ rõ. Theo kinh Hoa Nghiêm quyển tám: Thế giới ta bà, Tỳ-lô-già-na Như Lai tức là Báo Thân Phật. Tiếng phàm là Lô-xá-na, hoặc gọi là Lu-thác-na, hoặc gọi là Lu-chiết-la, cũng gọi là Biến Chiếu. Theo kinh Phạm võng là Thân tha thọ dụng. Nhưng cả hai tên gọi đó có người cho rằng Thế thì giống nhau, nhưng vì trước và sau phiên dịch khác nhau hoặc có người cho là hai Báo Thân tự và tha. Như Luận Phật địa: pháp giới thanh tịnh là thân tự tính. Bốn Trí tâm phẩm là Thân tự thọ dụng. Lại nữa, thân tha thọ dụng và Thân biến hóa đều là phương tiện thị hiện để hóa độ chúng sinh, tùy theo sự thị hiện mà có lớn hay nhỏ khác nhau. Theo Luận Phật Địa: Như Lai Biến chiếu tức là thân tha thọ dụng hoặc là Thân ứng hóa vì thân tự thọ Dụng, lượng đồng pháp giới, không thể nói lượng thân đó là lớn hay nhỏ. Còn kinh cũ thì viết là: “Tất cả Phật hóa Thân chủ”. Nếu thân Tha thọ dụng gọi là Thân ứng hóa thì nương

theo tự Báo Thân mà khởi Thân Tha Thọ Dụng. Nếu hóa lớn hóa nhỏ gọi là hóa thân thì tha thọ Dụng là hóa chủ. Vì tự, tha, và báo, thể của chúng chẳng phải tức chẳng phải là đều không trái với lý.

“Ngàn hóa thân Phật trên ngàn cánh hoa”: Là hóa Phật lớn.

“Vô lượng chư Phật trong Ngàn cánh hoa”: là hóa Phật nhỏ. Do gia hạnh, tư lương, nhị thừa và phàm phu thấy có khác nhau. Giống như kinh Phạm võng: “Ta nay Lô Xá Na, vừa ngồi đài hoa sen, vòng quanh trên ngàn Hoa, Lại hiện ngàn Thích ca, một hoa trăm ức cõi, một cõi một Thích ca, đều ngồi cõi Bồ-đề, cùng lúc thành Phật đạo” nghĩa không trái nhau.

Tiếp theo là phần hai - Pháp vô lượng.

Kinh: Bền bạch Phật; Thế Tôn! Như vậy là vô lượng Bát-nhã Ba-la-mật đa không thể dùng Thức mà biết, không thể dùng Trí mà biết.

Giải thích: “Như vậy vô lượng”: là nói những điều đã nghe. Nghĩa là vua Ba-tư-nặc như kinh cũ nói: hành hạnh thập địa, tùy tương ứng mỗi địa, thường thấy chư Phật, nay thấy thân biến, thấy thân lớn nhỏ, mỗi mỗi tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa vì dẫn đạo chư đại chúng mà nói là vô lượng.

“Không thể dùng Thức mà biết”: là Thức cạn cợt này không thể biết được.

“Không thể dùng Trí mà biết”: là Trí thấp kém này, không thể biết được.

Đây nói rõ pháp được thuyết là nhiều vô lượng, sâu xa không thể dò, chẳng thể nhận biết được.

Kế đến là phần ba - Chánh hỏi phụng trì.

Kinh: Nay các thiện nam! Làm thế nào, đối với kinh này lý giải, lãnh hội hiểu rõ vì người khác mà diễn nói.

Giải thích: “Làm thế nào”: là từ ngữ hỏi chính.

“Chư này thiện nam”: là những người tu hành.

“Đối với kinh này”: tức là kinh này, những điều thấy được tuy là nhiều nhưng Bát-nhã thì như nhau.

“Minh liễu”: là đối với lý và sự đều hiểu rõ.

“Giác giải”: Giác là hiện chứng, giải là ngộ hiểu. Đối với lý thì chứng ngộ sáng suốt, đối với sự thì hiểu biết rõ ràng. Do đó gọi là Minh liễu, giác giải. Đó là tự lợi. “vì người mà diễn thuyết” là lợi tha.

Dưới đây là phần hai - Như Lai chánh đáp. Chia làm hai phần chính: 1. Mười ba pháp sư phụng trì; 2. Mười sáu Quốc vương phụng trì.

Trong phần pháp sư, văn chia làm hai phần: 1. Lược nêu pháp sư;
2. Nói rộng hạnh vị.

Trong phần một, văn lại chia làm hai phần: 1. Khuyên bảo lắng nghe.

Kinh: Phật bảo “Đại vương! Ông nay hãy lắng nghe!”.

Giải thích: Bảo hãy nghe cho kỹ. Dưới đây là phần hai - Lược bày hạnh vị.

Kinh: Từ Tập nhẫn đầu tiên đến định Kim cang, như pháp tu hành mười ba môn quán đều là pháp sư nương giữ kiến lập.

Giải thích: “Từ Tập nhẫn đầu tiên”: là nêu ngôi vị đầu tiên

“Đến Định Kim cang”: là ngôi vị sau cùng.

“Như pháp tu hành mười ba môn quán”: Từ đầu tiên cho đến cuối cùng gồm có mười ba Ngôi vị, mỗi ngôi vị đều nương theo hành vị, như pháp tu hành môn quán của mình.

“Đều là pháp sư”: Đó là tên gọi chung, đều tu hai lợi gọi là pháp sư.

“Nương giữ kiến lập”: Y theo đây tu trì khiến không mất. Mới bắt đầu khởi thì gọi là kiến, cuối cùng thành tựu thì gọi là lập.

Tiếp đến là phần ba - Kết. Khuyên cúng dường.

Kinh: Đại chúng các ông nên xem như Phật mà cúng dường trăm ngàn vạn ức thiên hương hoa vi diệu, cúng dường dâng lên.

Giải thích: Vì pháp thù thắng, ở chỗ nào thì chỗ đó được tôn quý, ở người nào thì người đó được tôn trọng, đối với những người tu hành thì báo các vua kính họ như Phật.

“Thiên hương hoa vi diệu”: là cúng phụng những điều cực kỳ tốt đẹp.

Dưới đây là phần hai - Nói rộng về hạnh vị. Chia làm hai phần: 1. Nói riêng về Hạnh vị; 2. Kết luận, thọ trì.

Trong phần một - chia làm mười ba phần như sau sẽ rõ: 1. Tập chủng tính.

Trong đó chia làm ba phần:

- Nêu vị biện Tướng.

- Nói về pháp tu.

- Kết trình bày vị mãn. Đây là phần một - Nêu vị biện tướng.

Kinh: Nay người thiện nam! Pháp sư đó là Bồ-tát Tập chủng tính. Nếu Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Giải thích: “Pháp sư đó”: Là tên gọi chung. Thông cả mười ba Ngôi vị đều gọi là pháp sư.

“Tập chủng tính”: Như trên đã giải thích.

Hai chúng tử khứu, xa lìa năm Tà.

“Sách ca, Tư ca”: là Nam nữ thọ năm giới. Bốn chúng này như đã giải thích trong phẩm Tựa.

Dưới đây là phần hai - Nói về pháp tu. Trong đó chia làm hai phần: 1. Tu Thập trụ; 2. Nội ngoại.

Trong phần một lại chia làm hai phần: 1. Thập trụ; 2. Tu thập hạnh.

Trong phần một lại chia làm hai phần: 1. Tu thập trụ.

Kinh: Tu hạnh thập trụ.

Giải thích: Trong Tam Hiền, ngôi vị này là kém nhất, lấy Thể mà đặt tên, tiếp đến là Thập hạnh, sau cùng là mười Hồi hương, còn Bồ-tát mười địa thì đã đăng ngôi vị Thánh, đã đắc hiện chứng theo Địa mà đặt tên.

Đầu tiên là giải thích tên gọi của Trụ. Trước là tên chung sau là tên riêng. Thập trụ là: nhập vị bất thối gọi là Trụ. Trụ pháp viên mãn gọi là Thập, gộp chung lại gọi là Thập trụ, mang số đặt tên Giải thích biệt danh thì nói về Thể của trụ. Nếu dựa theo đối tượng duyên thì hai để làm Thể. Nếu dựa theo Chủ thể duyên thì Bi và Trí làm Thể, hợp cả cảnh và Trí mà làm Thể của Trụ, tương ứng trợ giúp nhau đủ cả năm uẩn. Nếu dựa theo Thân thì duy chỉ người ba châu, tức là bốn chúng kể trên, gộp có phàm và Thánh, Đốn và Tiệm.

Tiếp theo là phần hai. Nói về tướng của trụ, vẫn chia làm mười phần: Dưới đây là phần một - Phát tâm Trụ.

Kinh: Thấy Phật Pháp Tăng, phát tâm Bồ-đề.

Giải thích: Giải thích theo tên của Trụ là: ở đối với Bồ-đề khởi tâm quyết định nhập vào ngôi vị Bất thối gọi là phát tâm trụ.

“Thấy Phật Pháp Tăng”: là duyên phát tâm, Phật là bậc giác, là người có thể khai phát, pháp là các giáo, sinh ra chánh giải Tăng là hòa hợp, là Hiền Thánh ba Thừa, là phước điền tốt. Đầu tiên là nhân ở Tam bảo mà phát tâm vô thượng, đến ngôi vị cứu cánh thì thường hiện tiền.

“Phát tâm Bồ-đề”: là phát tâm vô thượng, khởi ba diệu quán, như Giải thích trước. Nhiếp Luận tụng:

Lực thanh tịnh tăng thượng

Tâm kiên cố thắng tiến

Danh Bồ-tát mới tu

Vô số ba đại kiếp.

Tâm đại Bồ-đề lấy thiện căn làm thể, lấy đại nguyện làm duyên

không thối lùi, không khuất phục làm động lực thúc đẩy, mới có thể khởi. Thiện căn làm Nhân gọi là lực thanh tịnh, nhờ đó có thể hàng phục những gì mình đối trị. Đại nguyện làm duyên gọi là lực Tăng thượng, thường gặp bạn lành khiến cho tăng tiến. tâm kiên cố: là tuy gặp bạn xấu phá hoại nhưng cuối cùng cũng không thối xả tâm Bồ-đề, gọi là kiên cố. Thắng Tiến là: Thiện căn mình tu, lần lần tăng trưởng chuyển thành Thắng tiến. Thập Tín trước đây, tâm người nhập vào Trụ này, do đủ cả mười thứ kia, đối với đại Bồ-đề, kiên cường không thối, đủ cả những thứ đó, gọi là bắt đầu Sơ kiếp. Tức là lấy tâm đó làm gốc cho Thập Trụ, tâm đó lần lần tăng lên thành các Trụ sau. Cho đến quả tột cùng cũng do đó mà đắc. Có thuyết nói: Thập trụ đồng với hạnh Thập Địa.

Tiếp theo là phần hai - Trị địa trụ.

Kinh: Đối với các chúng sanh, lợi lạc thương xót.

Giải thích: Giải thích theo tên của Trụ là: mài dũa tâm đó, lìa sự cấu uế, lắng trong, sàng lọc các nhiễm ô, gọi là Trị địa trụ. “Đối với các chúng sanh, lợi lạc thương xót”: lợi là lợi ích, lạc là an lạc. Thương xót: là hành cứu vớt. Như kinh Hoa Nghiêm nói: Tụng tập đa văn, rỗng vắng tịch tĩnh, gần thiện tri thức, liễu đạt ở nghĩa, như pháp tu hành, An trụ chẳng động. Kế đến là phần ba - Tu hành trụ.

Kinh: Tự quán thân mình, các căn sáu giới, tất cả vô thường, khổ, không, vô ngã.

Giải thích: Giải thích Tên trụ: quán sát tự thân, lìa xa Không và hữu, chánh hành tu tập gọi là Tu hành trụ.

“Tự quán thân mình”: đó là nêu chung.

“Sáu giới”: là sáu giới như đất nước v.v...

“Chư căn”: là các căn như mắt... Như nơi kinh cũ nói mười bốn căn: năm sắc, năm thọ, nam, nữ, ý, mệnh. nghĩa là quán sáu giới và các căn sinh diệt bức bách đều là không vô Ngã. Đối trị những điên đảo hư vọng.

Tiếp sau là phần bốn - Sinh quý trụ.

Kinh: Nhận biết rõ nghiệp hành, sinh tử, Niết-bàn.

Giải thích: Giải thích Tên trụ: sinh tại nhà Phật, dòng họ tôn quý, đó tuy chỉ là nuôi lớn nhưng đã hơn các thừa khác, nên gọi là Sinh quý trụ. “Liễu tri nghiệp hành, sinh tử Niết-bàn”: là hiểu rõ các hành nghiệp thiện và ác của mình và người, hành đó là thuận theo với sinh tử, hành đó là thuận theo với Niết-bàn, như kệ của kinh Hoa Nghiêm bản cũ nói: “Đệ tứ sinh quý chơn Phật tử” từ chánh pháp của chư Hiền Thánh sinh

ra. Các pháp thuộc có, không đều đều không hề đấm trước. Xả lìa sinh tử, xuất khỏi ba cõi. Đấm trước có hữu là sinh tử, đấm trước không tức là Niết-bàn. Cả hai đều không đấm trước thì sẽ xuất ly.

Dưới đây là phần năm - Cụ túc phương tiện trụ.

Kinh: Có thể tạo lợi tự tha, lợi ích an lạc.

Giải thích: Giải thích tên trụ: khéo léo không làm ngưng trệ chơn. Khởi tâm thương xót, song tu cả hai hành chơn và tục, gọi đó là Cụ túc phương tiện trụ.

Câu trước là hai lợi, câu sau là lợi tha. Như kinh nói: Tu các thiện căn đều để cứu giúp làm lợi ích an lạc, thương xót độ thoát tất cả chúng sanh khiến lìa tai nạn, xuất ly sinh tử, chứng Niết-bàn. Tiếp theo là phần sáu - Chánh tâm Trụ.

Kinh: Nghe ca tụng Phật, hủy báng Phật, tâm định không động.

Giải thích: Giải thích tên trụ là: quán lý không hai, lần lượt thuận thực nghe ca tụng hay hủy báng Phật tâm không bị lay động gọi là Chánh tâm trụ.

“Nghe ca tụng Phật...”: Nghĩa là Bồ-tát đó khéo quán các pháp không có thể, không có tính, đạt như huyễn mộng. Nghe tán thán hay hủy báng Phật tâm định chẳng động. Như kinh thuyết: Tán thán pháp, hủy báng pháp, tán thán hay hủy báng, Bồ-tát nghe nói chúng sinh có cấu hay không cấu, để độ hay khó độ đều định không động.

Kế tiếp là phần bảy - Bất thối trụ.

Kinh: Nghe có Phật, không Phật, tâm định không thối lui.

Giải thích: Giải thích tên trụ: chỉ và quán song tu, duyên không thể làm hư hoại, nghe nói có hay không có, tâm định không thối gọi là Bất thối trụ. Ở đây cũng dựa theo nghĩa trệ hơn mà nói: “Có Phật không Phật, tâm định bất thối”: như kinh kia thuyết: pháp và Bồ-tát nghe nói có hay không, tâm định bất thối. Nghĩa là có thể liễu tri vô tướng tức tướng, tướng tức vô tướng. Ở trong Phật pháp, tâm không thối chuyển. Sau đây là phần thứ tám: Đồng Chơn Trụ.

Kinh: Ba nghiệp không lỗi, khởi sáu hòa kính.

Giải thích: Giải thích tên trụ: ba nghiệp sạch, sáng, lìa nhiễm ô, như trẻ thơ, hành tánh thành tựu, vật không thể làm hư hoại, gọi là Đồng chơn trụ.

“Tam nghiệp...”: là thân, khẩu, ý, cả ba lìa sự sai lầm tội lỗi. Như kinh cũ nói; là ba Nghiệp đồng, giới kiến học đồng với lục hòa kính như kinh kia thuyết: thân hành không có sai lầm, ngữ hành không có sai lầm, ý hành không có sai lầm, siêng năng học, tu tập du hành vô số

thế giới, lãnh thọ vô số pháp Phật, hiện thân biến hóa, tự tại xuất ra âm thanh rộng lớn đầy khắp trong một Sát-na, thừa sự cúng dường vô số chư Phật. Đó là ba Nghiệp hành.

Dưới đây là phần thứ chín. Pháp vương tử trụ.

Kinh: Phương tiện thiện xảo, điều phục chúng sinh

Giải thích: Giải thích tên trụ: khéo thuyết hợp đúng với căn, nói dối pháp vương, gọi là pháp vương tử trụ.

“Phương tiện...”: là phương tiện diễn thuyết đều thiện xảo khéo léo, khéo điều phục các chúng sinh.

Tiếp theo là phần thứ mười: Quán đảnh trụ.

Kinh: Khuyên học mười trí, thần thông hóa, lợi.

Giải thích: Giải thích tên trụ: Ngôi vị trụ được đầy đủ, thành tựu thân Trí. Nước Pháp của chư Phật rưới lên đỉnh đầu gọi là Quán đảnh trụ. Phép Quán Đảnh như kinh Kim cang Đảnh bản tiếng Phạm nói: Có năm loại Quán Đảnh: Đó là mão báu ấn khế, dùng nước quang minh và đặt tên hiệu. Ba hiền mười thánh khi sắp thành Chánh giác, trong mỗi một ngôi vị, Phật, Bồ-tát cho quán đảnh.

“Khuyên học mười trí”: Như kinh thuyết: Học tam thế trí, Phật pháp trí, pháp giới vô ngại Trí, Pháp giới vô biên trí, sung mãn nhất thiết thế giới, Trí, phổ chiếu khắp tất cả thế giới Trí, Trụ trì tất cả thế giới Trí, Tri tất cả chúng sanh Trí, Tri nhất thiết pháp Trí, tri vô biên chư Phật Trí. Năm Trí đầu là biết thế giới, theo thứ tự là: tùy tâm chuyển Trí, chánh giác chiếu Trí, chiếu pháp giới Trí, tự tại phổ nhập Trí, đến xứ đều nghiêm Trí. Ba Trí tiếp theo là biết tâm của chúng sinh, đó là Trí biết tất cả tâm, Trí biết tâm cảnh, Trí biết các căn Tính. hai Trí sau là nói đức thành của chúng đó là Trí hợp căn và pháp, Trí khiến diệt các hoặc.

“Thần Thông hóa Lợi”: Như kinh cũ, kệ giải thích Thập trụ nói:

Thanh tịnh diệu Pháp thân

Hiện ứng nhiều loại hình

Giống như Đại huyễn sư

Sở thích đều được hiện

Hoặc ở vì chúng sinh

Cứu cánh Hạnh Bồ-tát

Hoặc lại hiện sơ sinh

Xuất gia hành học đạo

Hoặc ở dưới cây vua

Tự nhiên thành chánh giác

*Hoặc ở vì chúng sinh
Thị hiện nhập Niết-bàn.*

Đó đều là Thần thông hành hóa lợi. Tụng kết:

*Phát tâm trị tu hành
Sinh quý đủ phương tiện
Chánh tâm và Bất thối
Đồng chơn vương Quán đảnh.*

Dưới đây là phần ba - hành tu tập.

Kinh: Tu tập Hạ phẩm tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật đa.

Giải thích: “Hạ phẩm”: là bậc đầu tiên của Tam Hiền.

“Tu tập...”: Thời gian ở Ngôi vị này lâu dài tu đủ cả phước, trí, các hành, nguyện.

Tiếp theo là phần hai - Nội Ngoại. Trong đó chia làm hai phần: 1. Nhẫn phương tiện; 2. Chánh Định tụ.

Phần một vẫn lại chia làm hai: Dưới đây là phần một - Nhẫn tiền phương tiện.

Kinh: Nay người thiện nam! Trước hết là Tập nhẫn, trải qua mười ngàn kiếp hành hạnh mười thiện Hạnh có thối có tiến.

Giải thích: “Tập nhẫn” trở về trước là ngoài kiếp.

“Trải qua mười ngàn kiếp”: Là thời gian phải trải qua. Đó là đi đến thẳng, khác với kinh Niết-bàn là tám vạn, sáu vạn, bốn vạn, hai vạn, mười ngàn kiếp... vì ở đây là đốn, kia là tiệm mà có sự sai biệt.

“Hành hạnh mười thiện”: là Thân ba, khẩu bốn, ý ba thành là mười.

“Có thối có tiến? Là không nhất định.

Tiếp nữa là phần hai - Nêu dụ thích thành.

Kinh: Thí như lông nhẹ, theo gió đông tây.

Giải thích: Mười thiện thì có tiến có thối, như lông nhẹ lúc đông lúc Tây. Từ đây là phần hai - Chánh Định tụ. Trong đó chia làm hai phần: Dưới đây là phần một - Chánh Định tụ.

Kinh: Nếu đạt đến vị nhẫn, nhập chánh định tụ, không tạo năm nghịch, không hủy báng chánh pháp.

Giải thích: “Nếu đạt đến vị nhẫn”: là tu Thập thiện. Thượng phẩm thành mãn phát Bồ-đề tâm, bất thối như trên, gọi là đến vị nhẫn.

“Nhập chánh Định tụ”: Nhập là tiến nhập, tức nhẫn vị đó, là chánh Định tụ, khác với Tiểu Thừa. Luận Câu xá nói: Chánh tính ly sinh, gọi là chánh định.

Hai câu sau nói không tạo nghịch tức chẳng phải là Xiển-đề.

Sau đây là phần hai - Nhãn đối trị.

Kinh: Biết tướng ngã, pháp thấy đều là “không”, an trụ nơi giải thoát. Giải thích: “Biết tướng ngã, pháp”: là phân biệt hai chấp. Do Tà giáo và Tà sư, tự phân biệt tà cho Ngã là chủ thể, pháp là các uẩn, như đã nói trên. Sáu mươi hai kiến bao gồm hai mươi cú (câu) phân biệt tức uẩn lia uẩn là chấp Ngã, pháp. Do hai chấp đó mà hai chướng sinh đủ. Đây là chế phục hai chấp và các chướng tương ứng. Chế phục hiện hành kia, thấy đều là không. hai chấp và tùy miên đều chưa diệt.

Hỏi: Nếu vậy, vì sao kinh Hoa Nghiêm quyển mười giải thích mười về thập Trụ nói: Trừ diệt các phiền não, vĩnh viễn không còn sót, vô ngại tịch diệt Quán, ấy tức Phật chánh pháp. Sao ở đây lại nói là tùy miên chưa diệt.

Đáp: Kia là dựa theo sự phục diệt các ngã chấp, pháp chấp, trợ bạn phiền não, vô minh bất cộng của tà giáo, tà sư, đã dấy khởi nên bảo là vĩnh viễn hết, chẳng phải là tất cả phiền não do tự phân biệt sinh và câu sinh phiền não, vĩnh viễn hết. Vì vậy kinh Duyên khởi nói; Người phạm phu nội pháp không phóng dật, ta không nói là vô minh duyên hành. nghĩa là mọi bất cộng tương ứng vô minh do tà giáo phát khởi đã vĩnh viễn hết. Cho nên không nói là vô minh duyên hành, tuy nhiên phiền não do tự phân biệt và phiền não câu sinh hiện hành thì dần dần chế phục, chũng đều chưa dứt hết, khi đạt đến ngôi vị kiến Đạo các chũng tử của hai chướng phân biệt toàn sẽ đoạn dứt tức thì đến đoạn sau sẽ rõ.

“Trụ vị giải thoát”; Đây là vị phục nhãn do có hai tên gọi: đối chiếu quả Bồ-đề, nên gọi là tư lương. Đối chiếu với quả Niết-bàn nên gọi là giải thoát. Thuộc phần giải thoát, nên gọi là vị giải thoát.

Tiếp theo là phần ba- kết. Luận trình bày vị mãn.

Kinh: Ở một A-tăng-kỳ kiếp, tu tập nhãn này, thì có thể khởi thù thắng.

Giải thích: “Với một A-tăng-kỳ kiếp”: là thời gian trải qua.

A là vô, không có. Tăng kỳ là con số. Kiếp là tiếng phạm, đủ thì phải nói là kiếp Ba: là thời gian, dịch thành tiếng Hoa đời Đường là “Một thời gian vô số”.

“Tu tập nhãn này”: là kết ngôi vị này.

“Khởi hành thù thắng”: là khởi Tính chủng tính mười hạnh vị.

Về A-tăng-kỳ kiếp này, xin lược phân biệt là: như kinh Hoa Nghiêm bản mới, quyển bốn mươi lăm, phẩm A-tăng-kỳ: có một trăm

hai mươi con số, từ Sơ Bách Lạc xoa đầu tiên đến con số thứ một trăm lẻ ba, gọi là A-tăng-kỳ tức là vô số kiếp. Như Du-già quyển bốn mươi sáu sau khi đã nói xong mười ba Trụ, phần sau phân biệt: Tức là ở trong mỗi một trụ đó, trải qua nhiều câu chi trăm ngàn đại kiếp, hoặc vượt quá con số đó mới chứng được một trụ thành mãn, do vậy đã rõ. Nay trong kinh này, trong mười pháp sư trước cứ mỗi một pháp sư tăng một Tăng kỳ. Du-già tiếp đến nói; mà tất cả trụ đều phải trải qua ba vô số đại kiếp mới chứng Bồ-đề vô thượng, viên mãn, nghĩa là phải trải qua vô số đại kiếp thứ nhất mới khởi vượt qua Thắng giải hành Trụ, chứng Hoan hỷ trụ. Đó là người thường dũng mãnh tinh tiến, chứ chẳng phải người không dũng mãnh siêng năng tinh tiến. Lại trải qua vô số đại kiếp thứ hai mới vượt qua cực Hoan hỷ Trụ, cho đến có gia hạnh có công dụng vô tướng Trụ, chứng Đắc Địa thứ tám đến đây tức là quyết định. Do Bồ-tát ấy đặc tịnh ý lạc, quyết định dũng mãnh tinh tiến. Lại trải qua vô số đại kiếp thứ ba mới vượt qua vô cộng dụng trụ, vô ngại giải trụ, chứng đắc trụ tối thượng, thành mã tức là Địa Pháp Vân. Nên biết, trong đó có hai loại vô số đại kiếp: 1. Ngày, đêm, nửa tháng, một tháng, dùng phương tiện tính toán con số thì thời gian vô lượng, còn gọi là vô số đại kiếp; 2. Đại kiếp: phần trước Luận kia nói: dùng không đại kiếp. Gió phương tiện tính toán, vượt qua tất cả các con số tính toán, cũng còn gọi là vô số đại kiếp. Nếu theo vô số đại kiếp nói trên thì phải trải qua vô lượng vô số đại kiếp mới chứng vô Thượng chánh Đẳng Bồ-đề. Nếu so với đoạn văn trên thì vô số A-tăng-kỳ trong kinh này cũng không trái lý.

Hỏi: Luận đã nói: Trải qua ba đại kiếp nhưng một đại kiếp thì thời gian là bao lâu?

Đáp: Như kinh Anh Lạc quyển hạ nói: như có tảng đá lớn vuông vức tám trăm dặm, dùng áo cỡi Trời Tịnh cư cứ ba năm, một lần phẩy, thời gian phẩy quét đến hết tảng đá đó gọi là một A-tăng-kỳ kiếp.

Hỏi: Nếu như vậy, Luận Bà-sa nói: Bồ-tát Thích ca, siêu vượt chín kiếp là chín kiếp gì?.

Đáp: Du-già tiếp đó nói: Nếu chánh tu hành tối thượng thượng phẩm, dũng mãnh tinh tiến, hoặc có người có thể chuyển nhiều kiếp, tiểu tam tai kiếp, nên biết không ai chuyển được vô số đại kiếp. Ở đây giống với Luận Bà-sa nói về tu diệu tướng chuyển đại kiếp.

Hỏi: Nếu vậy, thời gian đã lâu dài vậy thì do đâu thành Phật?.

Đáp: Ở trong mộng thì cho là nhiều năm. Khi tỉnh giấc mơ thì chỉ là một khoảnh khắc, thời gian tuy là vô lượng, ngộ thì chỉ là một Sát-na

thường tự siêng năng dừng ôm lòng sợ hãi. Do vậy phải nói là ba A-tăng-kỳ mài luyện tâm.

Dưới đây là phần hai - Nói về tính chủng tính.

Trong đó chia làm ba phần: 1. Nêu vị biện tướng; 2. Chánh niệm tu hành; 3. Kết. Mãn vị. Đây là phần một nêu vị biện tướng.

Kinh: Tiếp đến là Bồ-tát tính chủng tính, Trụ vô phân biệt.

Giải thích: “Tính chủng tính”: Như giải thích ở trước.

“Trụ vô phân biệt”: là nêu ở trong ngôi vị này, tu mười hạnh thù thắng, xa lìa chấp tướng phân biệt tự tha. Lại nữa, hiểu rõ ba giá, quán vô phân biệt.

Tiếp theo là phần hai - Chánh niệm về tu hành. Trong đó có ba phần: 1. Tu mười Hạnh; 2. Đối tượng đối trị; 3. Đối tượng tu quán. Trong phần một lại có hai phần: 1. Mười tuệ Quán.

Kinh: Tu mười tuệ quán.

Giải thích: Mười tuệ Quán: Tức là thập hạnh. Tuệ tức là tâm của chủ thể quán biệt cảnh. Tu hành mười Hạnh như Thí v.v... mười hạnh là: Thí, giới v.v... tu khởi gọi là hành, hành pháp viên mãn gọi là Thập, gọi chung là mười hạnh, theo số đặt tên tức là Hạnh của các hành. Tự và Tha khác nhau. Về biệt danh thì: nếu nói; Thí, giới... thì theo Thể mà đặt tên nói Hoan hỷ... thì theo dụng mà đặt tên. Nêu thể và biện minh nhân (người) thì như giải thích ở trụ trước.

Kế đến là phần hai - Tổ riêng về Thập hạnh. Văn chia làm mười phần: 1. Hoan hỷ.

Kinh: Xả bỏ tài sản, mạng sống.

Giải thích: Giải thích về tên của Hạnh: Bồ thí làm vui mình, vui người gọi là Hoan hỷ hạnh. Ba nghiệp không tham làm tự tính. “Xả bỏ tiền tài, mạng sống”: xả tức là thí do tâm thường xả bỏ, mà hành sự bồ thí. Tài là tiền của, đồ dùng, pháp tài. Mạng là thân xác, và hạnh vô úy, đều có thể xả bỏ.

Tiếp sau là phần hai - Hạnh nhiều ích.

Kinh: Trì giữ tịnh giới.

Giải thích: Tên hạnh: Hộ trì tam tụ, làm ích lợi cho mình và người, gọi là nhiều ích hạnh. Thọ trì tịnh giới thì lấy ba nghiệp làm tự tính.

“Trì giữ tịnh giới”: Là thủ hộ luật nghi, ba nghiệp không phạm sai lầm. Kế nữa là phần ba - Hạnh không trái nghịch.

Kinh: Tâm khiêm cung.

Giải thích: Tên hạnh; nhân lực trị được sự sân hận của mình và người, gọi là hạnh không trái nghịch. Ba nghiệp không sân làm tự tính.

“Tâm khiêm cung”: Nhiều thứ hủy nhục, bức bách nã hại, tâm vẫn khiêm cung, đều có thể nhẫn được.

Dưới đây là phần bốn - Hạnh không bị khuất phục, nghiêm loạn.

Kinh: Lợi tự tha.

Giải thích: Tên hạnh; tinh cần siêng năng tu tập, tâm không hối loạn gọi là hạnh không bị khuất phục nhiều ba nghiệp siêng năng làm tự tính.

“Lợi tự tha”: là nỗ lực tinh tấn các căn, tu các Hạnh thù thắng, đều không thối khuất, tinh tấn làm ích tự tha. Dưới đây là phần năm - Hạnh lìa ngu si, loạn động.

Kinh: Không loạn sinh tử.

Giải thích: Tên hạnh; khéo tu Chỉ phẩm, Đẳng thù thắng Trì gọi là Hạnh lìa ngu si loạn động. Lấy định làm tự tính.

“Không loạn Sinh tử”; như kinh thuyết: ở trong thế gian chết ở đây sinh ra ở kia, vào, trụ, ra thai đều không si loạn, là hạnh thiên định. Tiếp theo là phần sáu - Hạnh thiện Hiện

Kinh: Vô tướng thâm diệu.

Giải thích: Tên hạnh; quán thật tướng của pháp, thấu rõ hiện tiền gọi là hạnh thiên hiện (khéo hiện tiền). Lấy Trạch pháp làm tính.

“Vô tướng Thâm diệu”; như kinh thuyết: Niệm Niệm quán sát, tất cả chúng sanh, lấy vô tính làm tính. Tất cả các pháp lấy vô vi làm tính. Tất cả quốc độ lấy vô tướng làm Tính ngay ở Tướng mà quán tính, gọi là thâm diệu tức tu hạnh Tuệ.

Sau đây là phần bảy - Hạnh không chấp trước.

Kinh: Thấu của đạt có như huyễn.

Giải thích: Tên Hạnh; khéo tu Hạnh thù thắng không bị ngưng trệ ở không và có, gọi là hạnh không chấp trước, lấy Trạch pháp làm Tính.

Thấu suốt “có” Hữu Như huyễn: hiểu rõ hữu vi ra là như huyễn không thật. Như kinh thuyết: Quán các pháp như huyễn, chư Phật như ảnh, Bồ-tát hành như mộng, Phật thuyết pháp như tiếng vang, Thế gian như hóa hiện, do hiểu các điều đó nên không đắm trước không và có; tức là hành phương tiện

Tiếp theo là phần tám - Hạnh khó được.

Kinh: Không cầu quả báo.

Giải thích: Tên Hạnh: Thường lấy đại nguyện để thâm nhiếp các Thiện căn thù thắng nên, gọi là hạnh khó đạt được, dùng ý, dục thắng giải tín, tư, niệm... làm tự tính.

“Không cầu Quả báo”: là tự mình tu Hạnh thù thắng, không mong cầu quả sau này. Làm lợi lạc hữu tình, không mong cầu họ báo đáp lại.

Kế tiếp là phần chín - Hạnh hiện pháp.

Kinh: Đắc vô ngại giải.

Giải thích: Tên Hạnh; Hiểu rõ sâu xa căn khí, khéo dùng pháp hóa độ, gọi là hạnh Thiện Pháp, tư trạch làm tính.

“Đắc vô ngại giải”. Nghĩa là đắc bốn loại: pháp, nghĩa, từ, biện, lực vô ngại giải, tư trạch tu tập hạnh hai Lợi.

Tiếp nữa là phần mười - Hạnh chơn thật.

Kinh: Niệm niệm thị hiện thần lực Phật.

Giải thích: Tên hạnh. Lời nói việc làm tương ứng chân thành, đúng thật gọi là hành chân thật. Trạch pháp làm tính.

“Niệm Niệm thị hiện thần lực Phật”: là như kinh thuyết: Bồ-tát ma ha ha tát đó, thành tựu ngữ chân thật đệ nhất, như nói có thể hành, như hành có thể nói, tùy thuận theo bản thể nguyện đều đạt sự cứu cánh, niệm niệm khắp đến mười phương thế giới. Niệm Niệm đến thăm khắp các Quốc độ Phật. Niệm Niệm đều thấy chư Phật và Quốc độ trang nghiêm thanh tịnh không thể nói hết. Thị hiện thần lực tự tại của Như Lai khắp cả pháp giới hư không giới. Đại Sư tử hống, đắc vô sở úy, có thể chuyển pháp luân thanh tịnh vô ngại, đến đầy nguồn thật tướng nơi biển pháp Phật. Thực hành hạnh hai Lợi. Tóm kết mười hạnh, tụng sau:

*Hoan hỷ, nhiều ích, không trái nghịch
Không khuất phục, lìa si loạn động
Thiện hiện, không chấp, khó đạt được
Thiện pháp và nói hành chân thật.*

Sau đây là phần hai - Đối tượng trị. Trong đó chia làm hai phần:

1. Trị mười đảo.

Kinh: Đối trị bốn đảo, ba căn bất thiện, hoặc nghiệp ba đời, mười điên đảo.

Giải thích: Mười tuệ Quán trên là hành năng trị, mười Đảo dưới đây là chướng Sở trị.

Nói “Đối trị”: đó là nêu chung. “Bốn Đảo”: là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Trong Tập chủng tính trước, tu hành trụ thứ ba đã nói về đối trị, còn ở đây là vĩnh viễn diệt trừ. “Ba căn bất thiện”: là Tham, Sân, Si. Hạnh thứ nhất Hoan hỷ thì Trị kia. Hạnh thứ ba không trái nghịch thì trị sân, Hạnh thứ sáu Thiện hiện thì trị si.

“Hoặc nghiệp của ba đời”: là nhân quả quá khứ, nhân quả quả hiện tại và nhân quả vị lai. Hạnh thứ bảy không chấp trước thì trị quá khứ, hiện tại. Hạnh thứ tám khó đạt được thì trị quả vị lai. Theo hạnh mà có đời trị riêng.

“Mười điền đảo”: Mười tổng kết về đối tượng trị (sở trị).

Tiếp theo là phần hai - Ngã, pháp không.

Kinh: Ngã, Nhân, Tri kiến, niệm niệm giả dối.

Giải thích: “Ngã Nhân, Tri kiến”: là nêu sở trị. Tập chủng tính trên nói chỉ lần lần chế phục trừ bỏ, ở đây nêu lên niệm niệm của uẩn tức sở y, sở trị đều giả dối.

“Niệm niệm giả dối”: là chỉ rõ chúng là không thật, cái Ngã đối Trị đó mãi mãi không hiện hành.

Dưới đây là phần ba - nói hành quán. Trong đó chia làm hai phần:

1. Quán pháp tu.

Kinh: Thấu đạt danh giả, Thọ giả, pháp giả, đều chẳng thể đạt được, không có tướng tự tha, trụ chơn thật mà quán.

Giải thích: Thông đạt thể của danh, thọ, pháp đều là giả dối, không có chơn thật, không thể đạt được. Trước kia là nương theo sinh khởi dùng pháp, Thọ, danh làm thứ yếu. Nay ở đây là nói về đối trị từ dễ đến khó nên khác thứ tự.

“Không có tướng tự tha”: Nghĩa là tu mười Hạnh và trị mười Đảo, không trụ nơi Tướng phân biệt tự và tha, hiểu rõ ba giả không, không khởi phân biệt. Đó tức là thuận hướng đến lý vô sinh là quán chơn Thật. Thiên Thai gọi đó là trong Thập hạnh có vô sinh nhẫn, cũng tương tự với đây.

Dưới đây là phần hai - hành tu tập.

Kinh: Trung phẩm, tu tập tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật đa.

Giải thích: Trong ngôi vị Hiền, cho nên văn dễ hiểu.

Tiếp theo là phần ba - Kết. Trình bày vị viên mãn.

Kinh: Ở hai A-tăng-kỳ kiếp, hành các hạnh thù thắng, đắc vị nhẫn kiên cố.

Giải thích: Ngôi vị này thời gian dài hơn ngôi vị trước một kiếp.

“Hành Hạnh thù thắng”: Là kết về mười Hạnh đó.

“Đắc vị nhẫn kiên?”: Là được vào ngôi vị sau

Kế đến là phần ba- Đạo chủng tính, văn chia làm ba phần như trên phần một. 1. Nêu vị biện tướng.

Kinh: Tiếp nữa là Bồ-tát Đạo chủng tính, trụ trong Nhẫn kiên cố, quán tính các pháp, đắc vô sinh diệt.

Giải thích: “Đạo chủng tính”: như trên đã giải thích.

“Trú trong nhẫn kiên cố”: kiên, nghĩa là kiên cố không thể hư hoại. Như kinh Phạm Võng nói: Thập Hồi hương là Thập Kim cương.

“Quán tính các pháp”: là tính pháp Hữu vi

“Đắc vô sinh diệt”: là hiểu rõ hữu vi không, rõ về vô sinh diệt.

Dưới đây là phần hai - Chánh biện về tu hành, trong đó chia làm hai phần: 1. Mười Hồi hương; 2. Đối trị; 3. Biện về sinh sai biệt. Tuy nhiên mười hồi hương nghĩa là những điều mình đã tu phát khởi lên tư nguyện, mạnh hơn. Có ba nghĩa: chiếu lý bất trú, gọi là Hồi, Đại Bi cứu vật gọi là Hương, là Hương chúng sanh. Lại nữa, hành không trú ở có, gọi là Hồi. Thắng đến Bồ-đề gọi là Hương, là Hương Bồ-đề. Lại nữa, nhưng không trụ ở tướng gọi là Hồi, đạt sự chiếu Như gọi là hương, là Hương Thật tế. Do những nghĩa đó gọi là Hồi hương. Hồi hương viên mãn, nên gọi là mười. Nói là mười Hồi hương là theo số mà đặt tên. Mười Hồi hương này đều đủ cả ba nghĩa: 1. Hương chúng sanh: là Thiện căn nương vào chúng sanh mà được tăng trưởng lại vì đại bi, nên khác với Nhị Thừa; 2. Hương Bồ-đề: là tâm nương theo Bồ-đề phát thuận hương đến Bồ-đề, mong quả vô thượng, mau viên mãn; 3. Hương Thật tế; thiện căn nương theo Thật tế, ắt sẽ quay về với lý, trí khởi chiếu Như, mong được chứng viên. Do vậy Hồi hương này có đủ ba nghĩa. Nêu thể chung tức là đại nguyện, riêng thì bốn pháp; Định Tuệ Nguyện Bi, đủ cả năm uẩn. Về biệt danh và tướng sẽ giải thích sau.

Nói về mười Hồi hương, vẫn chia làm mười phần. Dưới đây là phần một Hồi hương - Cứu hộ tất cả chúng sanh, lia tướng chúng sanh.

Kinh: Bốn tâm vô lượng, phá tan các ám.

Giải thích: Tên gọi cứu vớt là cứu, gia trì hộ vệ là hộ. Đối với những cứu hộ, hiểu rõ bình đẳng gọi là lia tướng. Lại nữa, Bi có thể cứu hộ, Trí có thể lia tướng, hành lia tướng là hồi Hương.

“Bốn vô lượng tâm”: là tâm cứu hộ.

“Phá tan các ám”: là cứu vớt hữu tình, phá tan bóng tối phiền não.

Dưới đây là phần hai - Hồi hương chẳng hoại.

Kinh: Thường thấy chư Phật rộng khởi cúng dường.

Giải thích tên này: Tam bảo và giới là tính chẳng hoại. Lấy thiện căn kia mà thành tựu Hồi hương này.

“Thường thấy chư Phật”: là dựa vào cao nhất, thù thắng nhất để nói, theo lý thì đủ cả Pháp, Tăng và Giới.

“Rộng khởi cúng dường”: là nói rõ phước tư lương, rộng cúng

dường.

Dưới đây là phần ba - Hồi hướng bình đẳng tất cả chư Phật.

Kinh: Thường học chư Phật, trụ tâm Hồi hướng.

Giải thích: Tên gọi học tập theo hạnh làm của chư Phật ba đời mà hồi hướng, niệm niệm tu học, thành tựu Hồi hướng này.

Nói “Thường học”: là tâm thọ học.

Nói “Chư Phật”: là chỗ thọ học.

“Tâm Hồi hướng”: là sự việc thọ học.

Như kinh Hoa Nghiêm nói: Đạo Hồi hướng của chư Phật đức Thế Tôn gồm có ba loại: 1. Những Thiện Căn đã tu, Hồi hướng về pháp giới, không gì sánh bằng; 2. Hồi hướng Bồ-đề, mong được viên mãn; 3. Hồi hướng chúng sanh thân cận với Tam bảo. Thọ trì thực hành ba điều đó tức là thường học. Dưới đây là phần bốn - Hồi hướng đến tất cả xứ sở.

Kinh: Những thiện căn tu, đều như Thật tế.

Giải thích: Tên gọi này tất cả những thiện căn mà Bồ-tát đã tu đạt đến mọi xứ, thành Hồi hướng này.

“Những thiện căn tu”: là các Thiện căn đã tu, phước Tuệ, tự Lợi, lợi Tha, vô lượng Hạnh nguyện.

“Đều như thực tế”: là nêu dụ nói rõ thành. Thật tế thì bình đẳng khắp cả mọi nơi, các hành đã tu do không Trụ tướng, nên bằng với thực tế. Dưới đây là phần năm - vô lượng công Hồi hướng vô lượng tạng công đức.

Kinh: Trong Tam muội, rộng làm Phật sự.

Giải thích tên gọi này: dùng pháp mà mình đã tu tập vô tận các hành pháp công đức mà thành tựu Hồi hướng này.

“Trong Tam muội”: là nêu nương theo định

“Rộng làm Phật sự”: là sự việc hóa lợi. Như kinh Hoa Nghiêm nói; nghĩa là Bồ-tát đó sám hối trừ chướng nặng, lễ kính chư Phật, thỉnh xin tất cả chư Phật thuyết pháp, tùy hỷ tất cả Thiện căn của chư Phật, Bồ-tát. Phạm hễ những đức hạnh tri kiến của tự mình tu đều Hồi hướng làm trang nghiêm tất cả cõi Phật, nhập, Tam muội tự tại không thể diễn bày và phương tiện thiện xảo làm Phật sự.

Tiếp theo là phần sáu - Hồi hướng vào tất cả thiện căn bình đẳng.

Kinh: Hiện nhiều loại thân, thành tựu bốn nhiếp pháp.

Giải thích tên gọi: rộng tu Đàn Thí, đăc ba luận thanh tịnh, trụ tâm bình đẳng thành tựu Hồi hướng này.

“Hiện nhiều loại thân”: là hiện thân tôn quý tùy theo từng loài.

“Hành bốn nhiếp pháp”: là hành lợi tha. Như kinh Hoa Nghiêm thuyết, hoặc làm đế Vương, hoặc làm Chuyển Luân vương bố thí tiền của ngoài thân và thân thể. Có một trăm hai mươi môn với chi tiết khác nhau. Từ môn thứ hai mươi lăm đến hết môn thứ hai mươi tám là nói về Hạnh Đàn (Bố thí). Dưới đây là phần bảy - Tùy thuận tất cả chúng sinh bình đẳng Hồi hướng.

Kinh: Trụ không phân biệt, hóa lợi chúng sanh.

Giải thích tên gọi này: Thiện căn rộng lớn, phương tiện thiện xảo, tùy thuận chúng sanh, thành tựu Hồi hướng này.

“Trú không phân biệt”: là tuy trụ nhiều tướng nhưng giống như không phân biệt.

“Hóa độ lợi ích chúng sanh”: là Hạnh lợi tha thù thắng.

Tiếp theo là phần tám - Hồi hướng tướng chân thật.

